



**DANH SÁCH SINH VIÊN
CHƯA TÍCH LŨY ĐỦ SỐ TÍN CHỈ THEO KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO**

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Số môn điểm F	Khoa CQ	Ghi chú
1	2121170099	Nguyễn Văn	Dự	Nam	01/03/2001	Phú Yên	Công nghệ kỹ thuật ô tô	CCQ2117C	92	6,74		0	Khoa Cơ khí	- STCTL: 92/92 - TBCTL: 6.74 - 1.05 - Nợ chứng chỉ đầu ra: Ngoại ngữ 1,
2	2122170641	Trần Quang	Duy	Nam	12/06/2004	Quảng Ngãi	Công nghệ kỹ thuật ô tô	CCQ2217P	105	6,53		0	Khoa Cơ khí	- STCTL: 105/105 - TBCTL: 6.53 - 0.09 - Nợ hồ sơ: Bảng tốt nghiệp (Bản sao/bản photo công chứng)
3	2122030082	Đặng Ngọc	Huy	Nam	25/06/2003	Bình Định	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	CCQ2203C	105	6,75		0	Khoa Cơ khí	- STCTL: 105/105 - TBCTL: 6.75 - 0.23 - Nợ chứng chỉ đầu ra: Ngoại ngữ 1,
4	2121170063	Phạm Lâm Thanh	Lai	Nam	09/01/2003	Bình Định	Công nghệ kỹ thuật ô tô	CCQ2117B	92	6,39		0	Khoa Cơ khí	- STCTL: 92/92 - TBCTL: 6.39 - 0.90 - Nợ hồ sơ: Bảng tốt nghiệp (Bản sao/bản photo công chứng)
5	2120170405	Nguyễn Hữu	Lộc	Nam	29/10/2002	Đồng Nai	Công nghệ kỹ thuật ô tô	CCQ2017L	91	6,78		1	Khoa Cơ khí	- Môn chưa học/ nợ học phần: Anh văn 2 - STCTL: 91/92 - TBCTL: 6.78 - 1.57
6	2122170030	Lê Công	Mẫn	Nam	08/06/2004	Bình Định	Công nghệ kỹ thuật ô tô	CCQ2217A	105	6,84		0	Khoa Cơ khí	- STCTL: 105/105 - TBCTL: 6.84 - 0.28 - Nợ hồ sơ: Bảng tốt nghiệp (Bản sao/bản photo công chứng)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Số môn điểm F	Khoa CQ	Ghi chú
7	2121170630	Nguyễn Trung	Quân	Nam	21/05/2003	Quảng Ngãi	Công nghệ kỹ thuật ô tô	CCQ2117R	92	6,69		0	Khoa Cơ khí	- STCTL: 92/92 - TBCTL: 6.69 - 1.26 - Nợ hồ sơ: Bằng tốt nghiệp (Bản sao/bản photo công chứng), Bản sao Giấy khai sinh (có công chứng), Học bạ (bản sao công chứng), Giấy báo nhập học, Căn cước công dân (bản sao công chứng)
8	2121170016	Đặng Trương Việt	Thắng	Nam	07/08/2003	Bình Định	Công nghệ kỹ thuật ô tô	CCQ2117A	92	6,40		0	Khoa Cơ khí	- STCTL: 92/92 - TBCTL: 6.40 - 0.91 - Nợ hồ sơ: Bằng tốt nghiệp (Bản sao/bản photo công chứng), Bản sao Giấy khai sinh (có công chứng)
9	2122170717	Phan Duy	Tiến	Nam	19/05/2004	Gia Lai	Công nghệ kỹ thuật ô tô	CCQ2217R	105	6,88		0	Khoa Cơ khí	- STCTL: 105/105 - TBCTL: 6.88 - 0.11 - Nợ hồ sơ: Bằng tốt nghiệp (Bản sao/bản photo công chứng)
10	2122170494	Huỳnh Ngọc	Tuấn	Nam	20/12/2004	Phú Yên	Công nghệ kỹ thuật ô tô	CCQ2217M	105	6,91		0	Khoa Cơ khí	- STCTL: 105/105 - TBCTL: 6.91 - 0.10 - Nợ hồ sơ: Bằng tốt nghiệp (Bản sao/bản photo công chứng), Căn cước công dân (bản sao công chứng)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Số môn điểm F	Khoa CQ	Ghi chú
11	2121030090	Lê Xuân	Tùng	Nam	26/02/2003	Bình Định	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	CCQ2103C	105	7,22		0	Khoa Cơ khí	- STCTL: 105/105 - TBCTL: 7.22 - 1.24 - Nợ hồ sơ: Bảng tốt nghiệp (Bản sao/bản photo công chứng)
12	2121172003	Nguyễn Công Thanh	Tùng	Nam	08/01/2003	Đồng Nai	Công nghệ kỹ thuật ô tô	CCQ2117LA	102	6,68		0	Khoa Cơ khí	- STCTL: 102/102 - TBCTL: 6.68 - 0.95 - Dư nợ học phí: Thực tập hệ thống điều hòa không khí trên ô tô, - Nợ hồ sơ: Bảng tốt nghiệp (Bản sao/bản photo công chứng)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2026

Ban giám hiệu
(họ tên và chữ ký)

Phòng đào tạo
(họ tên và chữ ký)

Trưởng khoa
(họ tên và chữ ký)

Người lập biểu
(họ tên và chữ ký)